

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 9 – 2020

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Minh, ông Trần Ngọc Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2020/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Anh Cao Anh T – Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Cao Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên phát sinh tranh cãi, anh Cao Anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, không quan tâm đến gia đình, hai bên cũng cố gắng hòa giải nhiều lần, chị H cũng đã khuyên anh T nhưng không có kết quả.

Nay, xét thấy không còn tình cảm với anh T nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là:

1. Cao Thị Ngọc H - Sinh ngày: 19/9/2008

2. Cao Thị Ngọc Tr - Sinh ngày: 28/12/2012

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu H và cháu Tr cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nghề nghiệp của chị H là làm nông, thu nhập trung bình khoảng 4.500.000đồng/tháng.

Đối với bị đơn anh Cao Anh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng cho anh Cao Anh T nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh T được.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/7/2020 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Anh Cao Anh T, sinh năm 1982, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T có phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng kéo dài.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cao Anh T không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Anh T.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Ngọc H (Sinh ngày: 19/9/2008) và cháu Cao Thị Ngọc Tr (Sinh ngày: 28/12/2012) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Cao Anh T có địa chỉ tại Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Cao Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt đối với anh Cao Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị H có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H và anh T thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm lo gia đình, chị H cũng đã cố gắng khuyên anh T hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Cao Thị Ngọc H (Sinh ngày: 19/9/2008) và Cao Thị Ngọc Tr (Sinh ngày: 28/12/2012). Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, cả hai cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Cao Thị Ngọc H và cháu Cao Thị Ngọc Tr cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thị Ngọc H (Sinh ngày: 19/9/2008) và Cao Thị Ngọc Tr (Sinh ngày: 28/12/2012) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cao Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010137 ngày 08/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn